



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
KHU VỰC MIỀN TRUNG NĂM 2019-2020

Phòng thi số 01; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 304, Tầng 3, Tòa nhà B, khu V -
Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn

Thời gian: Từ 06h30 ngày 13/11/2020

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
1	NV 3001	Huỳnh Thị Thúy Cẩm		14-06-1995	NHNN CN Quảng Ngãi			
2	NV 3002	Phan Thùy Dung		02-01-1991	NHNN CN Quảng Ngãi			
3	NV 3003	Lương Thành Đức	16-09-1992		NHNN CN Quảng Ngãi			
4	NV 3004	Nguyễn Vũ Ngân Hà		28-01-1994	NHNN CN Quảng Ngãi			
5	NV 3005	Phan Thị Mỹ Hạnh		02-03-1990	NHNN CN Quảng Ngãi			
6	NV 3006	Phạm Thị Ngọc Hạnh		02-09-1995	NHNN CN Quảng Ngãi			
7	NV 3007	Huỳnh Trần Minh Hiền		17-01-1994	NHNN CN Quảng Ngãi			
8	NV 3008	Võ Thành Lê	10-06-1991		NHNN CN Quảng Ngãi			
9	NV 3009	Nguyễn Thị Mỹ Lệ		11-04-1992	NHNN CN Quảng Ngãi		Con TB	
10	NV 3010	Bùi Nguyễn Duy Liêm	23-02-1992		NHNN CN Quảng Ngãi			
11	NV 3011	Trần Thị Diệu Nương		10-02-1983	NHNN CN Quảng Ngãi			
12	NV 3012	Võ Thị Phương Nga		09-10-1993	NHNN CN Quảng Ngãi		Con TB	
13	NV 3013	Ngô Thị Như Ngọc		06-09-1988	NHNN CN Quảng Ngãi			
14	NV 3014	Lê Thị Cẩm Nhung		01-01-1991	NHNN CN Quảng Ngãi			
15	NV 3015	Nguyễn Văn Khoa Phước	06-10-1997		NHNN CN Quảng Ngãi			
16	NV 3016	Huỳnh Thị Thu Quảng		15-10-1991	NHNN CN Quảng Ngãi			
17	NV 3017	Võ Thị Quý		20-02-1992	NHNN CN Quảng Ngãi			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
18	NV 3018	Bùi Thị Kim Sâm		18-12-1993	NHNN CN Quảng Ngãi			
19	NV 3019	Nguyễn Thị Quỳnh Tiên		21-10-1984	NHNN CN Quảng Ngãi			
20	NV 3020	Nguyễn Thị Tiến		11-11-1991	NHNN CN Quảng Ngãi			
21	NV 3021	Đỗ Thị Phương Thảo		02-06-1990	NHNN CN Quảng Ngãi			
22	NV 3022	Lê Thị Thu Thảo		21-03-1998	NHNN CN Quảng Ngãi			
23	NV 3023	Phạm Bích Trâm		13-06-1993	NHNN CN Quảng Ngãi			
24	NV 3024	Tạ Nguyễn Cẩm Trinh		08-03-1997	NHNN CN Quảng Ngãi			
25	NV 3025	Tô Thị Kiều Vân		27-07-1998	NHNN CN Quảng Ngãi			
26	NV 3026	Nguyễn Thị Thúy Vy		08-07-1994	NHNN CN Quảng Ngãi			
27	NV 3027	Trương Thị Minh Ý		21-09-1994	NHNN CN Quảng Ngãi			
28	NV 3028	Nguyễn Quỳnh Châu		25-09-1991	NHNN CN Quảng Nam			
29	NV 3029	Nguyễn Thị Mỹ Dung		08-04-1987	NHNN CN Quảng Nam			
30	NV 3030	Nguyễn Minh Hằng		28-06-1996	NHNN CN Quảng Nam			
31	NV 3031	Lưu Thị Thu Hiền		19-06-1984	NHNN CN Quảng Nam			
32	NV 3032	Phan Thị Lệ Khuyên		03-03-1989	NHNN CN Quảng Nam			
33	NV 3033	Trần Thị Duy Linh		06-01-1993	NHNN CN Quảng Nam			
34	NV 3034	Võ Phạm Nhất Nguyên		30-05-1993	NHNN CN Quảng Nam			
35	NV 3035	Ngô Anh Tài	16-04-1996		NHNN CN Quảng Nam			
36	NV 3036	Trần Thanh Tuấn	29-08-1989		NHNN CN Quảng Nam			
37	NV 3037	Hoàng Phương Thảo		01-09-1994	NHNN CN Quảng Nam			
38	NV 3038	Phan Thị Hồng Thắm		29-11-1998	NHNN CN Quảng Nam			
39	NV 3039	Phạm Thị Thảo Trinh		18-10-1994	NHNN CN Quảng Nam			
40	NV 3040	Bùi Phương Trúc		22-12-1988	NHNN CN Quảng Nam			

th



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
KHU VỰC MIỀN TRUNG NĂM 2019-2020

Phòng thi số 02; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 305, Tầng 3, Tòa nhà B, khu V -
Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn

Thời gian: Từ 06h30 ngày 13/11/2020

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
1	NV 3041	Bùi Thị Kim Anh		12-05-1991	NHNN CN Bình Định	x	Con người hưởng chính sách như TB	Cử nhân tiếng Anh
2	NV 3042	Nguyễn Ngọc Bảo	12-06-1994		NHNN CN Bình Định			
3	NV 3043	Vũ Minh Duy	28-12-1987		NHNN CN Bình Định	x		Cử nhân tiếng Anh
4	NV 3044	Giáp Thị Thùy Duyên		28-07-1997	NHNN CN Bình Định			
5	NV 3045	Lê Xuân Dương	10-01-1989		NHNN CN Bình Định			
6	NV 3046	Đặng Thị Thúy Hằng		04-10-1992	NHNN CN Bình Định			
7	NV 3047	Đặng Thu Hiền		02-10-1990	NHNN CN Bình Định			
8	NV 3048	Nguyễn Thị Thanh Huyền		02-03-1996	NHNN CN Bình Định			
9	NV 3049	Nguyễn Thị Ngọc Hưng		02-07-1991	NHNN CN Bình Định			
10	NV 3050	Hồ Thanh Kiều		26-05-1990	NHNN CN Bình Định			
11	NV 3051	Nguyễn Danh Khoa	18-09-1992		NHNN CN Bình Định			
12	NV 3052	Ngô Hà Khánh Linh		22-06-1995	NHNN CN Bình Định			
13	NV 3053	Nguyễn Nhật Linh	15-08-1989		NHNN CN Bình Định			
14	NV 3054	Trần Thị Khánh Linh		30-06-1996	NHNN CN Bình Định			
15	NV 3055	Trần Tố Mai		16-06-1990	NHNN CN Bình Định			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
16	NV 3056	Phạm Nguyễn Tuấn Minh	18-08-1991		NHNN CN Bình Định			
17	NV 3057	Phạm Thị Nở		20-10-1993	NHNN CN Bình Định			
18	NV 3058	Nguyễn Thanh Sang	04-03-1991		NHNN CN Bình Định			
19	NV 3059	Mai Văn Sơn	13-01-1991		NHNN CN Bình Định			
20	NV 3060	Bùi Thị Kim Thiệp		20-02-1992	NHNN CN Bình Định			
21	NV 3061	Châu Thị Phương Thoa		12-03-1995	NHNN CN Bình Định			
22	NV 3062	Trần Hoàng Thanh Xuân		02-02-1995	NHNN CN Bình Định			
23	NV 3063	Nguyễn Ngọc Anh		28-05-1995	NHNN CN Quảng Bình			
24	NV 3064	Hoàng Minh Dũng	26-05-1997		NHNN CN Quảng Bình			
25	NV 3065	Cao Đình Như Hà		29-07-1996	NHNN CN Quảng Bình			
26	NV 3066	Ngô Thị Phương Hà		27-10-1985	NHNN CN Quảng Bình			
27	NV 3067	Phạm Thị Khánh Hà		02-09-1996	NHNN CN Quảng Bình			
28	NV 3068	Nguyễn Thị Thu Hiền		18-12-1986	NHNN CN Quảng Bình			
29	NV 3069	Lương Đức Lâm		04-05-1991	NHNN CN Quảng Bình			
30	NV 3070	Nguyễn Diệu Linh		24-11-1998	NHNN CN Quảng Bình			
31	NV 3071	Lê Hồng Nhung		26-07-1997	NHNN CN Quảng Bình			
32	NV 3072	Phan Thị Thanh Thanh		22-01-1998	NHNN CN Quảng Bình			
33	NV 3073	Đoàn Phương Thảo		23-08-1989	NHNN CN Quảng Bình			
34	NV 3074	Trần Thị Quỳnh Trang		02-09-1995	NHNN CN Quảng Bình			
35	NV 3075	Dương Thị Tố Uyên		13-06-1993	NHNN CN Quảng Bình			
36	NV 3076	Trương Lê Hải Yến		18-11-1997	NHNN CN Quảng Bình			

H



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
KHU VỰC MIỀN TRUNG NĂM 2019-2020

Phòng thi số 03; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 306, Tầng 3, Tòa nhà B, khu V -
Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn
Thời gian: Từ 06h30 ngày 13/11/2020

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
1	NV 3077	Nguyễn Xuân Hiếu	14-01-1993		NHNN CN Hà Tĩnh			
2	NV 3078	Nguyễn Thị Thùy Linh		10-10-1993	NHNN CN Hà Tĩnh			
3	NV 3079	Nguyễn Thị Thu		05-08-1993	NHNN CN Hà Tĩnh			
4	NV 3080	Trần Thị Ngọc Anh		25-09-1997	NHNN CN Hà Tĩnh			
5	NV 3081	Lê Hải Ngọc Châu	18-09-1991		NHNN CN Hà Tĩnh			
6	NV 3082	Nguyễn Công Đạt	08-07-1993		NHNN CN Hà Tĩnh			
7	NV 3083	Trần Minh Đức	22-01-1996		NHNN CN Hà Tĩnh			
8	NV 3084	Nguyễn Thị Việt Hà		12-02-1995	NHNN CN Hà Tĩnh			
9	NV 3085	Phạm Việt Hà		25-08-1997	NHNN CN Hà Tĩnh	x		Học ĐH bằng tiếng Anh
10	NV 3086	Lê Thị Hạnh		13-01-1992	NHNN CN Hà Tĩnh			
11	NV 3087	Ngô Thị Cẩm Hằng		16-08-1995	NHNN CN Hà Tĩnh			
12	NV 3088	Nguyễn Văn Hậu	07-05-1993		NHNN CN Hà Tĩnh			
13	NV 3089	Biện Thị Thu Hiền		28-03-1997	NHNN CN Hà Tĩnh			
14	NV 3090	Lê Thị Hòa		09-12-1982	NHNN CN Hà Tĩnh			

14

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
15	NV 3091	Nguyễn Thị Thục Huyền		20-03-1995	NHNN CN Hà Tĩnh			
16	NV 3092	Phan Thị Khánh Huyền		06-03-1997	NHNN CN Hà Tĩnh			
17	NV 3093	Cù Thị Ái Lê		31-03-1994	NHNN CN Hà Tĩnh			
18	NV 3094	Nguyễn Thị Thảo Linh		21-12-1998	NHNN CN Hà Tĩnh			
19	NV 3095	Nguyễn Thị Thùy Linh		07-3-1997	NHNN CN Hà Tĩnh			
20	NV 3096	Nguyễn Thị Hà Nam		14-03-1997	NHNN CN Hà Tĩnh			
21	NV 3097	Nguyễn Thị Phương Nga		16-11-1988	NHNN CN Hà Tĩnh			
22	NV 3098	Phan Hồng Nhật		06-07-1997	NHNN CN Hà Tĩnh	x		Học ĐH bằng tiếng Anh
23	NV 3099	Đậu Lan Nhi		24-12-1995	NHNN CN Hà Tĩnh			
24	NV 3100	Nguyễn Sỹ Bảo Quốc	14-04-1994		NHNN CN Hà Tĩnh			
25	NV 3101	Lê Thị Quyên		25-04-1989	NHNN CN Hà Tĩnh			
26	NV 3102	Trần Thị Quyên		27-07-1997	NHNN CN Hà Tĩnh			
27	NV 3103	Đinh Tuấn	15-09-1992		NHNN CN Hà Tĩnh			
28	NV 3104	Nguyễn Thị Hoài Thanh		26-04-1992	NHNN CN Hà Tĩnh			
29	NV 3105	Lê Thanh Thủy		13-08-1997	NHNN CN Hà Tĩnh			
30	NV 3106	Đào Thị Huyền Trang		01-05-1997	NHNN CN Hà Tĩnh			
31	NV 3107	Trần Xuân Trường	02-12-1998		NHNN CN Hà Tĩnh			



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
KHU VỰC MIỀN TRUNG NĂM 2019-2020

Phòng thi số 04; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 304, Tầng 3, Tòa nhà B, khu V -

Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn

Thời gian: Từ 07h45 ngày 13/11/2020

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
1	NV 3108	Lê Nguyễn Quỳnh Anh		18-11-1998	NHNN CN TT Huế			
2	NV 3109	Nguyễn Đại Quốc Anh	8-4-1992		NHNN CN TT Huế			
3	NV 3110	Phạm Thị Ngọc Anh		19-3-1987	NHNN CN TT Huế			
4	NV 3111	Dương Ngô Thái Bình	30-10-1993		NHNN CN TT Huế			
5	NV 3112	Lê Thị Huyền Châu		19-2-1997	NHNN CN TT Huế			
6	NV 3113	Lê Văn Chính	19-2-1991		NHNN CN TT Huế			
7	NV 3114	Bùi Văn Danh	3-7-1993		NHNN CN TT Huế			
8	NV 3115	Nguyễn Thùy Dung		19-5-1991	NHNN CN TT Huế			
9	NV 3116	Nguyễn Thùy Giang		27-3-1985	NHNN CN TT Huế			
10	NV 3117	Tổng Hồng Giang	24-11-1985		NHNN CN TT Huế			
11	NV 3118	Tổng Văn Giang		23-4-1994	NHNN CN TT Huế			
12	NV 3119	Lê Thị Thanh Hằng		26-4-1993	NHNN CN TT Huế			
13	NV 3120	Võ Thị Thúy Hằng		6-4-1989	NHNN CN TT Huế			
14	NV 3121	Hà Quang Hiệp	25-10-1992		NHNN CN TT Huế			
15	NV 3122	Nguyễn Minh Hoàng	20-5-1990		NHNN CN TT Huế		Con TB	
16	NV 3123	Đỗ Quỳnh Hương		13-2-1987	NHNN CN TT Huế			
17	NV 3124	Nguyễn Quỳnh Hương		21-8-1995	NHNN CN TT Huế			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
18	NV 3125	Ngô Phương Yến Khoa		21-10-1998	NHNN CN TT Huế			
19	NV 3126	Nguyễn Thị Phương Lan		28-9-1994	NHNN CN TT Huế			
20	NV 3127	Nguyễn Mai Trung Lân	9-3-1995		NHNN CN TT Huế			
21	NV 3128	Phạm Văn Minh	12-2-1997		NHNN CN TT Huế			
22	NV 3129	Nguyễn Bảo Ngọc		10-1-1997	NHNN CN TT Huế			
23	NV 3130	Tôn Nữ Nhật Nguyên		25-7-1992	NHNN CN TT Huế			
24	NV 3131	Ngô Quang Nhật	1-2-1993		NHNN CN TT Huế			
25	NV 3132	Trần Thị Cẩm Nhung		9-3-1988	NHNN CN TT Huế			
26	NV 3133	Đinh Thị Kim Oanh		1-2-1994	NHNN CN TT Huế			
27	NV 3134	Huỳnh Thị Diễm Phương		22-10-1997	NHNN CN TT Huế			
28	NV 3135	Lê Minh Tú Phương		12-4-1997	NHNN CN TT Huế			
29	NV 3136	Phạm Hoàng Mỹ Phương		16-2-1995	NHNN CN TT Huế			
30	NV 3137	Phan Thị Nhật Phương		23-7-1992	NHNN CN TT Huế	x		Cử nhân tiếng Anh
31	NV 3138	Nguyễn Quý Quốc	3-8-1998		NHNN CN TT Huế			
32	NV 3139	Lê Trung Tiến	9-9-1988		NHNN CN TT Huế			
33	NV 3140	Tôn Nữ Triều Thanh		6-5-1987	NHNN CN TT Huế			
34	NV 3141	Dương Thị Minh Thảo		22-1-1992	NHNN CN TT Huế			
35	NV 3142	Hoàng Thị Ái Thủy		5-5-1986	NHNN CN TT Huế			
36	NV 3143	Nguyễn Thị Lệ Thủy		28-8-1991	NHNN CN TT Huế			
37	NV 3144	Huỳnh Thị Thùy Trang		20-4-1995	NHNN CN TT Huế			
38	NV 3145	Nguyễn Phước Khánh Trang		7-5-1991	NHNN CN TT Huế			
39	NV 3146	Hoàng Thị Diệu Trâm		9-12-1986	NHNN CN TT Huế			



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
KHU VỰC MIỀN TRUNG NĂM 2019-2020

Phòng thi số 05; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 305, Tầng 3, Tòa nhà B, khu V -

Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn

Thời gian: Từ 07h45 ngày 13/11/2020

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
1	NV 3147	Võ Thị Huyền Trần		6-9-1989	NHNN CN TT Huế			
2	NV 3148	Lê Văn Minh Triển	15-1-1991		NHNN CN TT Huế			
3	NV 3149	Phan Ngọc Thục Trinh		1-4-1998	NHNN CN TT Huế			
4	NV 3150	Lê Thị Cẩm Uyên		5-5-1994	NHNN CN TT Huế			
5	NV 3151	Hoàng Lê Vy Vy		22-9-1995	NHNN CN TT Huế		Con TB	
6	NV 3152	Nguyễn Thị Như Ý		1-5-1994	NHNN CN TT Huế			
7	NV 3153	Phạm Thị Nguyên Anh		25-10-1991	NHNN CN Phú Yên		Con TB	
8	NV 3154	Nguyễn Thị Trúc Chi		15-01-1991	NHNN CN Phú Yên			
9	NV 3155	Nguyễn Thị Huyền Diệu		10-12-1992	NHNN CN Phú Yên			
10	NV 3156	Nguyễn Thị Phương Dung		10-01-1993	NHNN CN Phú Yên			
11	NV 3157	Nguyễn Thị Phương Duy		06-03-1992	NHNN CN Phú Yên			
12	NV 3158	Lê Thị Thu Hà		25-09-1989	NHNN CN Phú Yên			
13	NV 3159	Nguyễn Thị Hằng		15-10-1992	NHNN CN Phú Yên			
14	NV 3160	Nguyễn Thị Kim Hiếu		04-08-1994	NHNN CN Phú Yên			
15	NV 3161	Nguyễn Thị Thanh Huệ		02-05-1989	NHNN CN Phú Yên			
16	NV 3162	Đào Võ Mộng Kha		15-12-1989	NHNN CN Phú Yên			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
17	NV 3163	Vương Thị Hoa Hồng Lich		20-03-1992	NHNN CN Phú Yên		Con TB	
18	NV 3164	Nguyễn Hưng Thuý Linh		22-01-1992	NHNN CN Phú Yên			
19	NV 3165	Lê Thị Trúc Ly		27-02-1992	NHNN CN Phú Yên			
20	NV 3166	Lê Thị Hải Lý		24-06-1989	NHNN CN Phú Yên			
21	NV 3167	Lê Quỳnh Mai		07-07-1998	NHNN CN Phú Yên			
22	NV 3168	Nguyễn Ngọc Quỳnh Ngân		26-08-1988	NHNN CN Phú Yên			
23	NV 3169	Trần Thị Thu Nguyệt		09-10-1987	NHNN CN Phú Yên			
24	NV 3170	Nguyễn Thị Kiều Nhi		15-11-1992	NHNN CN Phú Yên			
25	NV 3171	Phạm Võ Bích Nhung		02-01-1994	NHNN CN Phú Yên			
26	NV 3172	Nguyễn Thị Lan Quyên		25-04-1987	NHNN CN Phú Yên		Con TB	
27	NV 3173	Lê Thị Thanh Thái		18-07-1993	NHNN CN Phú Yên			
28	NV 3174	Trần Quang Thảo	12-10-1993		NHNN CN Phú Yên			
29	NV 3175	Phạm Huỳnh Thi	10-05-1992		NHNN CN Phú Yên			
30	NV 3176	Nguyễn Thị Minh Thu		01-08-1993	NHNN CN Phú Yên			
31	NV 3177	Lê Nữ Quỳnh Trang		08-12-1993	NHNN CN Phú Yên			
32	NV 3178	Phạm Huyền Trang		22-12-1994	NHNN CN Phú Yên			
33	NV 3179	Nguyễn Thục Vi		09-09-1992	NHNN CN Phú Yên	x		Cử nhân tiếng Anh
34	NV 3180	Trịnh Thị Vui		01-09-1994	NHNN CN Phú Yên			
35	NV 3181	Nguyễn Phú Yên		30-03-1989	NHNN CN Phú Yên			



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019 - 2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
KHU VỰC MIỀN TRUNG NĂM 2019-2020

Phòng thi số 06; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 306, Tầng 3, Tòa nhà B, khu V -
Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn
Thời gian: Từ 07h45 ngày 13/11/2020

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
1	NV 3182	Đậu Thị Vân Anh		19-12-1989	NHNN CN Quảng Trị			
2	NV 3183	Nguyễn Công Nữ Quỳnh Anh		19-03-1997	NHNN CN Quảng Trị			
3	NV 3184	Nguyễn Quỳnh Anh		09-10-1997	NHNN CN Quảng Trị			
4	NV 3185	Nguyễn Thị Ngọc Anh		08-02-1997	NHNN CN Quảng Trị			
5	NV 3186	Nguyễn Lê Châu		13-08-1995	NHNN CN Quảng Trị			
6	NV 3187	Nguyễn Thành Chuyên	01-01-1997		NHNN CN Quảng Trị			
7	NV 3188	Phạm Thị Thùy Dung		23-07-1984	NHNN CN Quảng Trị			
8	NV 3189	Hoàng Thị Mỹ Duyên		14-02-1997	NHNN CN Quảng Trị			
9	NV 3190	Lê Hiếu Đức		06-02-1987	NHNN CN Quảng Trị			
10	NV 3191	Nguyễn Thị Giang		08-12-1997	NHNN CN Quảng Trị			
11	NV 3192	Đặng Thị Ngọc Hà		19-11-1991	NHNN CN Quảng Trị			
12	NV 3193	Nguyễn Thị Thu Hằng		02-02-1988	NHNN CN Quảng Trị			
13	NV 3194	Đặng Bảo Hoàng	11-10-1993		NHNN CN Quảng Trị			
14	NV 3195	Nguyễn Thị Mai Hương		05-07-1993	NHNN CN Quảng Trị			
15	NV 3196	Nguyễn Thị Thùy Ngân		02-06-96	NHNN CN Quảng Trị			

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
16	NV 3197	Võ Đắc Trọng Nghĩa	12-11-1998		NHNN CN Quảng Trị			
17	NV 3198	Dương Thị Lan Ngọc		07-08-1992	NHNN CN Quảng Trị			
18	NV 3199	Nguyễn Văn Ngọc	16-02-1994		NHNN CN Quảng Trị			
19	NV 3200	Nguyễn Thị Như Nguyệt		06-07-1990	NHNN CN Quảng Trị			
20	NV 3201	Trần Thị Nguyệt		10-03-1996	NHNN CN Quảng Trị			
21	NV 3202	Đoàn Thị Thảo Nhi		25-12-1993	NHNN CN Quảng Trị			
22	NV 3203	Trần Tuyết Nhung		01-10-1995	NHNN CN Quảng Trị	x		Cử nhân tiếng Anh
23	NV 3204	Võ Hồng Nhung		06-01-1989	NHNN CN Quảng Trị			
24	NV 3205	Nguyễn Thị Thảo Như		01-02-1997	NHNN CN Quảng Trị			
25	NV 3206	Trần Thị Thục Quyên		19-09-1991	NHNN CN Quảng Trị			
26	NV 3207	Hoàng Thị Mỹ Tuyên		14-09-1998	NHNN CN Quảng Trị			
27	NV 3208	Hoàng Lê Phương Thảo		27-03-1993	NHNN CN Quảng Trị			
28	NV 3209	Lê Phương Thảo		22-05-1997	NHNN CN Quảng Trị			
29	NV 3210	Hồ Thị Thanh Thúy		28-02-1998	NHNN CN Quảng Trị			
30	NV 3211	Nguyễn Thị Huyền Thương		18-08-1996	NHNN CN Quảng Trị			
31	NV 3212	Nguyễn Thị Minh Trang		06-04-1991	NHNN CN Quảng Trị			
32	NV 3213	Trương Thị Trang		19-07-1993	NHNN CN Quảng Trị			